TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **93/**2023/QĐST-HNGĐ	*Y, ngày 13 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: Thôn Khoá Nhu 2, xã H, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Phan Tiến D, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh – Phân trại 2 (Trại giam Đồng Vải).

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Phan Tiến D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Phan Tiến D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Phan Tiến D có 01 người con chung là cháu Phan Mạnh C, sinh ngày 04/5/2017. Chị N và anh D thoả thuận giao cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật khi cần thiết.

- Về công nợ, tài sản: Anh D và chị N không có công nợ chung, không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết về phần tài sản.

- Về án phí: Chị Lê Thị N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009470 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Trả lại chị Lê Thị N số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã M (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Hương